

Year: **2012-2013** Term: **3**  
 Course: **407920 - IT Service Management**  
 Class: **12CIT - Cycle 4** Time: **8.00am 17 July, 2013**

#	Stu. ID	Name		Room
<b>Room: 11B</b>				
1	1283027	DANG VIET	ANH	11B
2	1283026	NGUYEN KHANH	BANG	11B
3	1283021	NGO HAI	CHAU	11B
4	1284222	DO TIEN BACH	DANG	11B
5	1283016	NGUYEN HUU LE	DUNG	11B
6	1283028	HA HUU	HAI	11B
7	1283030	NGUYEN MINH	HOANG	11B
8	1283031	TRAN DANG	KHOA	11B
9	1284618	THAI NGUYEN DANG	KHOA	11B
10	1283032	QUAN VU MINH	KHOI	11B
11	1283035	TRAN TRUNG	KIEN	11B
12	1283037	NGUYEN PHUONG	LINH	11B
13	1283059	NGUYEN THE	LOC	11B
14	1283061	NGUYEN VU	LOC	11B
15	1285534	NGUYEN THANH	LUAN	11B
16	1283064	DOAN THIEN HOA	NGHIEM	11B
17	1283067	CHAU TRAN	NHAN	11B
18	1283223	NGUYEN DUC HOANG	NHAT	11B
19	1283225	TRUONG NGOC	NHUNG	11B
20	1283226	NGUYEN HUYNH TAN	PHAT	11B
<b>Room: 11F</b>				
1	1283229	LY CHAN	PHONG	11F
2	1284624	LE HUU	PHUOC	11F
3	1283233	DANG HONG NGUYEN	PHUONG	11F
4	1284928	NGUYEN HUYNH NHAT	QUAN	11F
5	1283234	TRAN MINH	QUY	11F
6	1283235	LE QUOC	SI	11F
7	1283238	NGUYEN THAI	SON	11F
8	1283636	VO TRAN NGOC	TAN	11F
9	1283641	BUI THIEN	THACH	11F
10	1283645	NGUYEN VAN	THAI	11F
11	1283647	TRAN LAM	THAI	11F
12	1283678	NGUYEN HOANG	THANG	11F
13	1284626	MAI KIM	THANH	11F

Year: <b>2012-2013</b>		Term: <b>3</b>		
14	1283681	DUONG HONG	THINH	11F
15	1283695	NGUYEN HOANG LOC	THO	11F
16	1284630	NGUYEN VIET	TIEN	11F
17	1283700	NGUYEN MINH	TOAN	11F
18	1284741	NGUYEN HUU	KHOI	11F
<b>Room: 11A</b>				
1	1284631	TRAN THIEN	AN	11A
2	1284634	PHAM DUC	BINH	11A
3	1284679	TRAN NGOC	CAN	11A
4	1284682	PHAM CONG	DUC	11A
5	1284685	TRAN MINH	DUC	11A
6	1284688	NGUYEN NGOC	DUY	11A
7	1284694	VU QUANG	HUNG	11A
8	1284696	NGUYEN THAI	HUY	11A
9	1284739	HOANG NGOC ANH	KHOA	11A
10	1284743	TRUONG ANH	KIET	11A
11	1284749	DO NGUYEN THANH	LAN	11A
12	1284751	NGUYEN HOANG KINH	LUAN	11A
13	1284753	PHAM MINH	MAN	11A
14	1284767	TRAN NGOC	MINH	11A
15	1284774	TRAN DINH MINH	NHUT	11A
16	1284620	PHAN HONG	PHAT	11A
17	1284775	PHAM THE ANH	PHU	11A
18	1284777	NGO QUOC	THAI	11A
19	1140548	HO DUY	TIN	11A
20	1284628	NGUYEN NHAT	TRUONG	11A
21	1284781	TRINH PHAN ANH	TUAN	11A
22	1284890	VONG HOANG	VINH	11A
23	1284903	LUU	VU	11A
24	1284904	LE NGUYEN HOAN	VU	11A
25	0980930	NGUYEN THANH	VU	11A